

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15- 01 - 2021

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phụng.

2. Ông Bùi Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 160/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vương Ngọc D, sinh năm 1989; địa chỉ: , khóm M, phường B, thành phố T, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp V, xã V, huyện L, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 8 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Vương Ngọc D trình bày:*

1. Về hôn nhân: Vào năm 2009, chị Vương Ngọc D và anh Nguyễn Thanh T quen biết nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới trên cơ sở tự nguyện. Sau đám cưới vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Đ và được UBND xã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 124 ngày 24 tháng 8 năm 2009. Thời gian đầu vợ chồng sống chung rất hạnh phúc nhưng càng về sau càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trước khi đám cưới hai bên chưa tìm hiểu nhau kỹ nên dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ năm

2011, chị D đã về bên nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay không đoàn tụ lại được. Nay xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như giấy triệu tập đến Tòa án nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vương Ngọc D có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T, về con chung, tài sản và nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn” và bị đơn cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Thanh T đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Thanh T.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của nguyên đơn là chị Vương Ngọc D có căn cứ xác định chị D và anh T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Đ và được UBND xã cấp giấy chứng nhận kết hôn số 124 ngày 24 tháng 8 năm 2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Quá trình sống chung theo chị D trình bày vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do trước khi đám cưới hai bên chưa tìm hiểu nhau kỹ nên dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ năm 2011, chị D đã về bên nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay không đoàn tụ được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh T. Còn bị đơn là anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình cũng như không đến Tòa án để trực tiếp trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

Xét thấy chị D và anh T đã sống xa nhau từ năm 2011 đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mạnh ai nấy sống. Tại phiên toà ngày hôm nay chị D nhất quyết yêu cầu được ly hôn, còn anh T cũng không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình mà không có lý do, điều đó thể hiện anh T không mong muốn Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ mà để mặc cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của chị D đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vương Ngọc D đối với anh Nguyễn Thanh T.

[2.2] Về con chung: Chị D trình bày vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vương Ngọc D phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Vương Ngọc D được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Vương Ngọc D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị D đã nộp theo biên lai số BI/2019/0009672 ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

6. Trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay chị D được quyền làm đơn kháng cáo. Riêng bị đơn là anh T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Đồng Tháp;
 - VKSND H.Lấp Vò;
 - Chi cục THADS H.Lấp Vò;
 - UBND xã V, H.L, tỉnh Đ
- (GCN số 124/2009)
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội